

Bản án số: **141/2025/HS-ST**
Ngày: 16-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Phú**
Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quốc Vương**
Ông **Ngô Đình Bảy**
Ông **Phạm Ngọc Vinh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Thái Ngọc Nhật** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Ung Thị Thanh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng – Cơ sở 2, xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc TH**; giới tính: nam; sinh ngày 02/02/1968, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: 868 Phan Chu Trinh, phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng (868 Phan Chu Trinh, phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Q Nam cũ); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; con ông Trần Ngọc Ấn (đã chết) và bà Dương Thị Điền (sinh năm 1924); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 18/6/2007, bị Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trốn thuế” theo Bản án số 532/2007/HSPT.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 27/9/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc TH theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng:** Luật sư **Nguyễn Thị Tuyết Sương** – Công ty Luật SVC Q Nam, thuộc Đoàn Luật sư Q Nam. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Ông **Nguyễn Xuân D**; sinh năm 1978; trú tại: Tổ 1, khối phố Phú Trung, phường Q Phú, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông **Ngô T**, sinh năm 1982; trú tại: 452 Nguyễn Tri Phương, phường H1 Cường, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 37, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông **Trần M**, sinh năm 1957; trú tại: Tổ 9, khối Thanh Tây, phường Hội An Đông, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Ông **Ngô L1**, sinh năm 1957; trú tại: 12 Lê Độ, phường Hội An, thành phố Đà

Năng. Vắng mặt.

4. Ông **Lê Nho H**, sinh năm 1981; trú tại: khối phố Xuân Bắc, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5. Ông **Nguyễn Đình P**, sinh năm 1975; trú tại: Số 79 Đỗ Thế Cháp, phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

6. Ông **Võ Xuân Q**, sinh năm 1961; trú tại: Khối phố 1, phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. Ông **Trịnh Tuấn L2**, sinh năm 1985; trú tại: 781B Phan Chu Trinh, phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

8. Ông **Nguyễn A**, sinh năm 1964; trú tại: thôn Phú Bông, xã Duy Xuyên, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

9. Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1961; trú tại: Tổ 9, khối Thanh Tây, phường Hội An Đông, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

10. Bà **Trần Thị Bích Tr**, sinh năm 1983; trú tại: Tổ 4, khối Vồng Nhi, phường Hội An Đông, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

11. Bà **Võ Thị Thuỳ L3**, sinh năm 1977; trú tại: khối phố Mỹ Thạch Trung, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

12. Ông **Nguyễn Vũ Hùng K**, sinh năm 2005; trú tại: khối phố Mỹ Thạch Trung, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

* *Người làm chứng*: Ông **Võ Ngọc L2**, sinh năm 1977; trú tại: 44/6 Tiểu La, khối phố Mỹ Đông, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, ông Ngô L1 (*có lai lịch nêu trên*) đến chơi tại nhà ông Trần M (*có lai lịch nêu trên*). Tại đây, M hỏi L1 có quen biết ai để thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 609, tờ bản đồ số 52, địa chỉ: khối Thanh Tây, phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam không thì L1 trả lời để tìm hiểu và nói lại cho M sau. L1 liên hệ với ông Nguyễn Xuân D (*có lai lịch nêu trên*) thì được D trả lời để tìm hiểu và nhờ người thực hiện nhưng không đưa ra số tiền cụ thể. L1 nói với M đưa trước số tiền 60.000.000 đồng, nên ngày 30 tháng 11 năm 2021, M mang 60.000.000 đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CH167241, thửa số 609 đến nhà ông L1 giao cho D, D nhận và viết giấy đưa ông M giữ. Ngày 13/12/2021, L1 dẫn M đến nhà ông Nguyễn A (*tên thường gọi là Hùng; có lai lịch nêu trên*) do Anh có mối quan hệ bạn bè với D, để nhờ Anh nhận số tiền 400.000.000 đồng đưa lại cho D để D thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho M. Anh nhận tiền và viết giấy đưa cho M giữ.

Sau khi nhận số tiền 460.000.000 đồng, D liên hệ với Trần Quốc TH để nhờ TH làm hồ sơ vay vốn cho D và chuyển mục đích sử dụng đất cho M. Lúc này, TH biết rõ mình không có chức trách xử lý thủ tục về đất đai nhưng TH nói dối D có quen biết với cán bộ tại thành phố Hội An để thực hiện được việc chuyển mục đích sử dụng đất nhằm chiếm đoạt tiền của D để trả lãi vay ngân hàng và tiêu xài cá nhân.

Trước đó, vào tháng 7 năm 2021, TH có quen biết với ông Trần Văn L (*có lai lịch nêu trên*) là cán bộ tín dụng ngân hàng NCB - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng giúp làm được hồ sơ vay 18.000.000.000 đồng nên TH giới thiệu L gặp D để làm hồ sơ vay cho D nên khi D có ý định muốn nâng hạn mức vay từ 8.400.000.000 đồng lên

13.000.000.000 đồng và THc hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất, TH đưa ra thông tin gian dối cần tiền để chung chi cho lãnh đạo ngân Hng để được duyệt hồ sơ vay và phục vụ quan hệ để THc hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Vì vậy, D tin tưởng nên trong thời gian từ ngày 23 tháng 4 năm 2022 đến ngày 29 tháng 7 năm 2022 D đã đưa cho TH 663.000.000 đồng (*trong đó có số tiền 460.000.000 đồng của M*). Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của D, TH dùng để trả lãi vay ngân Hng và tiêu xài cá nhân không phục vụ vào mục đích làm hồ sơ vay vốn và chuyển mục đích sử dụng đất cho D qua đó chiếm đoạt của D 663.000.000 đồng. Khi TH không làm được các công việc trên, D yêu cầu TH trả lại tiền nhưng TH không trả nên D gửi đơn tố cáo TH đến cơ quan điều tra.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: Đầu năm 2023, thông qua một người bạn giới thiệu nên TH gặp ông Ngô T (*có lai lịch nêu trên*) tại thôn Kế Xuyên, xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Q Nam và biết T đang có nhu cầu muốn làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên và chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 1192, tờ bản đồ số 21, diện tích 1931m², địa chỉ: xã H1 Nhơn, huyện H1 Vang, tHnh phố Đà Nẵng. Mặc dù bản thân không có chức năng liên quan đến việc xử lý thủ tục về đất đai và không có khả năng THc hiện thủ tục chuyển nhượng nhưng TH đã nói dối T có mối quan hệ quen biết với cán bộ tại Đà Nẵng làm được thủ tục về đất đai với số tiền 205.000.000 đồng, hẹn thời hạn 40 ngày sẽ làm xong. T tin tưởng TH nói thật nên đưa trước số tiền 175.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, TH đã sử dụng để trả lãi ngân Hng và tiêu xài cá nhân không phục vụ vào việc làm hồ sơ đất đai cho T qua đó chiếm đoạt của T 175.000.000 đồng.

* Đồ vật thu giữ:

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy nhận quyền sử dụng đất”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc “... Vậy tôi viết giấy này để làm chứng từ và có nhận một khoản tiền với số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) để làm thủ tục”, ghi ngày 30 tháng 11 năm 2021, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy cam kết”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “.... Vậy tôi viết giấy này để làm bằng chứng”, ghi ngày 02 tháng 02 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn Hùng ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu đề “Giấy hẹn”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “.... Nếu tôi không trả đúng hẹn mọi thứ tôi chịu H1n toàn trước pháp luật”, ghi ngày 08 tháng 10 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Bản cam kết”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “.... Vậy tôi viết giấy này để làm chứng từ. Nếu tôi sai tôi chịu H1n toàn trước pháp luật”, ghi ngày 07 tháng 11 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy hẹn”; có nội dung bắt đầu “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu tôi không trả đúng hẹn mọi thứ tôi xin chịu trách nhiệm H1n toàn trước pháp luật”, ghi ngày 08 tháng 10 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy mượn tiền”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu không H1n trả đúng ngày tôi xin

chịu H1n toàn trách nhiệm trước gia đình chị và pháp luật”, ghi ngày 08 tháng 11 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy nhận tiền”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu sai chúng tôi chịu H1n toàn trách nhiệm”, ghi ngày 13 tháng 12 năm 2021, ký đứng tên Nguyễn Văn Hùng ở cuối tài liệu.

* Kết quả trưng cầu giám định: tại Kết luận giám định số: 315/KL-KTHS ngày 06/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q Nam xác định: các chữ viết và chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân D trên các vật chứng mà Cơ quan điều tra thu giữ nêu trên là của Nguyễn Xuân D; chữ viết đứng tên Nguyễn Văn Hùng trên vật chứng mà cơ quan điều tra thu giữ nêu trên là của Nguyễn A (*là tên thật của Nguyễn Văn Hùng*).

* Tại bản Cáo trạng số: 88/CT-VKSQN-P2 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q Nam (nay là Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Đà Nẵng) đã truy tố bị cáo Trần Quốc TH về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên THc Hnh quyền công tố NH nước luận tội, giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố về tội danh, điểm, khoản, điều luật đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc TH phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

- Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Trần Quốc TH từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Quốc TH phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại theo yêu cầu.

- Về xử lý vật chứng và các nội dung liên quan: Đề nghị giải quyết theo nội dung cáo trạng đã đề cập.

* *Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Quốc TH trình bày luận cứ*: Thông nhất về tội danh, khung hình phạt áp dụng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q Nam đã truy tố và luận tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là hơi nghiêm khắc. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tHnh khẩn Ki báo, ăn năn hối cải về Hnh vi phạm tội; tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại D số tiền 300.000.000 đồng, bị hại T số tiền 110.000.000 đồng; cha ruột bị cáo được NH nước tặng thưởng Bằng khen. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất có thể để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo Trần Quốc TH thống nhất với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận bổ sung, xin lỗi những người bị hại và xin được sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị hại Nguyễn Xuân D, Ngô T đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Quốc TH bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Tuy nhiên, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q Nam (nay là Công an thành phố Đà Nẵng), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q Nam (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc TH thừa nhận toàn bộ Hình vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Lời Ki nhận tội của các bị cáo Hln toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền để trả lãi ngân hàng và tiêu xài cá nhân, từ năm 2022 đến năm 2023, mặc dù không có nhiệm vụ, quyền hạn, không quen biết ai làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và thẩm định hồ sơ vay vốn nhưng bị cáo Trần Quốc TH đã đưa ra thông tin gian dối làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, làm hồ sơ vay vốn tôn chi phí để Nguyễn Xuân D và Ngô T tin tưởng chuyển tiền cho TH. Qua đó, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Xuân D 663.000.000 đồng và của ông Ngô T 175.000.000 đồng, tổng số tiền TH đã chiếm đoạt của các bị hại là 838.000.000 đồng.

Hình vi và hậu quả nêu trên của bị cáo Trần Quốc TH đã đủ các yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" với tình tiết định khung "*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, bản Cáo trạng truy tố số: 88/CT-VKSQN-P3 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q Nam (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng) và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do Hình vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mọi Hình vi xâm phạm bất hợp pháp tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị và dư luận xã hội lên án. Bị cáo Trần Quốc TH nhận thức được điều đó, song do ý thức coi thường pháp luật, động cơ vụ lợi, bị cáo đã lợi dụng vào sự cả tin của người khác, dùng thủ đoạn gian dối, nhiều lần chiếm đoạt của 02 bị hại với số tiền lớn để phục vụ cho mục đích cá nhân. Hậu quả do Hình vi phạm tội của bị cáo gây ra không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm M, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do Hình vi phạm tội của bị cáo gây ra, để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa đối với loại tội phạm này trong đời sống xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Trần Quốc TH nhiều lần thực

hiện Hn vi chiếm đoạt tài sản của 02 bị hại, mỗi lần số tiền chiếm đoạt đều cấu tHnh tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo tHnh khẩn Ki báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Xuân D số tiền 300.000.000 đồng, cho bị hại Ngô T số tiền 110.000.000 đồng; cha ruột bị cáo được NH nước tặng thưởng Bằng khen; tại phiên toà các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 18/6/2007, bị Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao xử phạt 03 năm tù giam về tội “*Trốn thuế*”.

[5] Xét bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và luận cứ của người bào chữa về việc áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét Trần Quốc TH hiện không có tài sản riêng, Hln cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Quốc TH đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Xuân D số tiền 663.000.000 đồng và của ông Ngô T số tiền 175.000.000 đồng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự khắc phục và tác động gia đình khắc phục cho ông D số tiền 313.000.000 đồng và khắc phục cho ông T số tiền 110.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt còn lại.

Do đó, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Quốc TH có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Xuân D số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 350.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Ngô T số tiền chiếm đoạt còn lại là 65.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo Trần Quốc TH có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại là 415.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy nhận quyền sử dụng đất”; có nội dung bắt đầu: “Cộng Hl xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc “... Vậy tôi viết giấy này để làm chứng từ và có nhận một khoản tiền với số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) để làm thủ tục”, ghi ngày 30 tháng 11 năm 2021, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy cam kết”; có nội dung bắt đầu: “Cộng Hl xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “.... Vậy tôi viết giấy này để làm bằng chứng”, ghi ngày 02 tháng 02 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn Hùng ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu đề “Giấy hẹn”; có nội dung bắt đầu: “Cộng Hl xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “.... Nếu tôi không trả đúng hẹn mọi thứ tôi chịu Hln toàn trước pháp luật”, ghi ngày 08 tháng 10 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Bản cam kết”; có nội dung bắt đầu: “Cộng Hl xã hội

chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “.... Vậy tôi viết giấy này để làm chứng từ. Nếu tôi sai tôi chịu H1n toàn trước pháp luật”, ghi ngày 07 tháng 11 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy hẹn”; có nội dung bắt đầu “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu tôi không trả đúng hẹn mọi thứ tôi xin chịu trách nhiệm H1n toàn trước pháp luật”, ghi ngày 08 tháng 10 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy mượn tiền”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu không H1n trả đúng ngày tôi xin chịu H1n toàn trách nhiệm trước gia đình chị và pháp luật”, ghi ngày 08 tháng 11 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy nhận tiền”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu sai chúng tôi chịu H1n toàn trách nhiệm”, ghi ngày 13 tháng 12 năm 2021, ký đứng tên Nguyễn Văn Hùng ở cuối tài liệu.

Xét các vật chứng nêu trên là chứng cứ chứng M Hnh vi phạm tội của bị cáo nên cần được tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Các nội dung khác liên quan trong vụ án:

- Trần Quốc TH Ki: khi Trần Văn L giúp Trần Quốc TH vay được số tiền 18.000.000.000 đồng thì TH có cho Trần Văn L mượn một khoản tiền (TH Ki 5.400.000.000 đồng, L Ki 3.300.000.000 đồng nhưng không có tài liệu thể hiện), do TH cần tiền trả lãi ngân Hng nhưng L không có tiền trả cho TH nên TH và L đã thỏa thuận đưa ra thông tin gian dối làm hồ sơ vay vốn và chuyển mục đích sử dụng đất tón chi phí để Nguyễn Xuân D tin tưởng chuyển tiền cho TH chiếm đoạt để trả lãi ngân Hng. D Ki nhận khi chuyển tiền cho TH để làm hồ sơ vay vốn (D không nhờ L làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất) thì có gọi điện thoại xác nhận với L và được L đồng ý nên D tin tưởng chuyển tiền cho TH. Tuy nhiên, L không thừa nhận nội dung trên và không có tài liệu gì thể hiện việc TH và L cùng trao đổi để nói dối D. Mặt khác, tiền nhận của D, TH không chia cho L và L không biết cụ thể TH đã nhận bao nhiêu tiền từ D. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q Nam đã yêu cầu Ban Ki thác mạng – Tổng công ty hạ tầng VNPT Net cung cấp dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn đối với số điện thoại 0945.779.990 (số điện thoại này D đã sử dụng để liên lạc với TH và L) từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/10/2022 nhưng do dữ liệu đề nghị cung cấp đã quá 02 năm nên nH mạng không cung cấp được.

- Trần Quốc TH còn Ki nhận khi nhận tiền của Ngô T để làm thủ tục đất đai thì có thỏa thuận với L và được L đồng ý nhưng không có tài liệu gì thể hiện. TH không chia tiền nhận của T cho L. Mặt khác, T Ki nhận chỉ gặp TH để trao đổi về việc làm thủ tục đất đai, không biết L là ai.

- Khi nhận được số tiền 460.000.000 đồng của ông Trần M, Nguyễn Xuân D đã chuyển số tiền này cho TH để nhờ làm thủ tục đất đai cho M. Khi TH không làm được, D đã trả lại cho gia đình M 370.000.000 đồng. Hiện nay, còn nợ lại 90.000.000 đồng. D không có ý thức chiếm đoạt tiền của M, D chưa trả hết tiền cho M là do TH chưa trả hết tiền cho D.

Cơ quan điều tra đã tiến Hnh đối chất giữa L và TH, L và D nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm. Do đó, không đủ cơ sở để xử lý Trần Văn L, Nguyễn Xuân D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Đối với đơn tố cáo của ông Lê Nho H (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) tố cáo Trần Quốc TH có Hnh vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông, quá

trình điều tra xác định: trước năm 2004, TH có góp tiền với ông Nguyễn Đình P (*sinh năm: 1975, trú tại: Khối phố 2, phường An Sơn, tHnh phố Tam Kỳ, tỉnh Q Nam*) để mua thửa đất có diện tích 10m x 20m tại Khối phố 1, phường An Sơn, tHnh phố Tam Kỳ, tỉnh Q Nam của ông Võ Xuân Q (*sinh năm: 1961, trú tại: Khối phố 1, phường An Sơn, tHnh phố Tam Kỳ, tỉnh Q Nam*) nhưng thửa đất này chưa làm thủ tục tách thửa, khi mua bán chỉ có giấy viết tay. Năm 2012, TH và P đồng ý chuyển nhượng thửa đất trên cho H với giá 200.000.000 đồng. Khi mua, H biết được thửa đất chưa làm được thủ tục tách thửa (chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng), chỉ có giấy viết tay về việc mua bán nhưng H vẫn đồng ý mua. Do thửa đất trên không làm được thủ tục tách thửa nên không THc hiện được việc chuyển nhượng sang cho H. Do đó, việc H tố cáo TH có Hnh vi chiếm đoạt tài sản là quan hệ dân sự.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Quốc TH phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc TH phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc TH **07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giam (ngày 27/9/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Quốc TH có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Xuân D số tiền **350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)**; bồi thường cho ông Ngô T số tiền **65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng)**.

Tổng số tiền mà bị cáo Trần Quốc TH có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại là **415.000.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án, nếu bị cáo Trần Quốc TH không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi Hnh án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

Tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án đối với các vật chứng gồm:

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy nhận quyền sử dụng đất”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc “... Vậy tôi viết giấy này để làm chứng từ và có nhận một khoản tiền với số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) để làm thủ tục”, ghi ngày 30 tháng 11 năm 2021, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy cam kết”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “.... Vậy tôi viết giấy này để làm bằng chứng”, ghi ngày 02 tháng 02 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn Hùng ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu đề “Giấy hẹn”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu tôi không trả đúng hẹn mọi thứ tôi chịu H1n toàn trước pháp luật”, ghi ngày 08 tháng 10 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Bản cam kết”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Vậy tôi viết giấy này để làm chứng từ. Nếu tôi sai tôi chịu H1n toàn trước pháp luật”, ghi ngày 07 tháng 11 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy hẹn”; có nội dung bắt đầu “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu tôi không trả đúng hẹn mọi thứ tôi xin chịu trách nhiệm H1n toàn trước pháp luật”, ghi ngày 08 tháng 10 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy mượn tiền”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu không H1n trả đúng ngày tôi xin chịu H1n toàn trách nhiệm trước gia đình chị và pháp luật”, ghi ngày 08 tháng 11 năm 2023, ký đứng tên Nguyễn Xuân D ở cuối tài liệu;

- 01 (một) tài liệu có tiêu đề “Giấy nhận tiền”; có nội dung bắt đầu: “Cộng H1 xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, nội dung kết thúc: “... Nếu sai chúng tôi chịu H1n toàn trách nhiệm”, ghi ngày 13 tháng 12 năm 2021, ký đứng tên Nguyễn Văn Hùng ở cuối tài liệu.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quốc TH phải chịu **200.000 (Hai trăm nghìn)** đồng án phí hình sự sơ thẩm và **20.600.000 đồng (Hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/8/2025); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

6. Người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được THc hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến Hình tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Phú

